

HƯỚNG DẪN

**Nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất,
chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị
theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

2. Địa bàn thực hiện

Cấp xã, cấp thôn (sau đây gọi tắt là xã, thôn) vùng đồng bào DTTS&MN theo quy định của pháp luật về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN trong từng thời kỳ.

3. Đối tượng áp dụng

a) Khách hàng vay vốn bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ, doanh nghiệp, hợp tác xã sử

dụng lao động là người dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (sau đây gọi chung là khách hàng). Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

b) Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia tổ chức thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

4. Nguyên tắc cho vay và vay vốn

a) Việc cho vay phải đảm bảo đúng đối tượng, đủ điều kiện, rõ ràng, công khai, minh bạch.

b) Khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi.

c) Khách hàng thuộc đối tượng, đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện cùng mục đích về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chi phí học nghề thì được lựa chọn vay vốn theo quy định tại văn bản này hoặc tại chương trình tín dụng có mức ưu đãi cao nhất phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

d) Khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại văn bản này và đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện mục đích sản xuất kinh doanh thì được lựa chọn vay vốn tại một hoặc nhiều chương trình tín dụng nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

5. Phương thức cho vay

a) NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cho vay ủy thác) đối với khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay (sau đây gọi là cho vay trực tiếp) đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã.

6. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

7. Hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và chế độ báo cáo thống kê

a) Việc hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Danh sách đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: bản gốc lưu tại bộ phận văn thư, bản sao lưu tại bộ phận tin dụng để phục vụ việc theo dõi, kiểm tra, giám sát.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Cho vay hỗ trợ đất ở

a) Đối tượng vay vốn

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

c) Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở (chi phí tạo mặt bằng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đất đai).

d) Mức cho vay

Mức cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận căn cứ vào chi phí để có đất ở sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ.

đ) Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

e) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

2. Cho vay hỗ trợ nhà ở

a) Đối tượng vay vốn

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

c) Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

d) Mức cho vay

Mức cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận căn cứ vào chi phí để xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ.

đ) Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

e) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

a) Đối tượng vay vốn

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN.

b) Điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

c) Mục đích sử dụng vốn vay

- Hỗ trợ đất sản xuất: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất (chi phí khai hoang, phục hóa, cải tạo đất sản

xuất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất theo quy định của pháp luật đất đai).

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Khách hàng được vay vốn để chi phí học nghề, chuyển đổi nghề (chi phí mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác).

d) Mức cho vay

- Hỗ trợ đất sản xuất: Mức cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận căn cứ vào chi phí để có đất sản xuất sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề (bao gồm chi phí học nghề, chuyển đổi nghề): Mức cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận căn cứ vào nhu cầu vốn để thực hiện chuyển đổi nghề sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), nhưng tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Trong đó, mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ và không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề.

đ) Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận tối đa là 10 năm.

e) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Đối tượng vay vốn

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

b) Điều kiện vay vốn

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng điều kiện vay vốn theo chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại NHCSXH, có tên trong danh sách thành viên tham gia chuỗi giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (UBND cấp huyện phê duyệt đối với dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư; UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt đối với dự án do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư).

+ Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:

+ Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án vay vốn để tham gia chuỗi giá trị và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận tham gia vào chuỗi giá trị.

+ Được NHCSXH nơi cho vay tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

c) Mục đích sử dụng vốn vay

Khách hàng được vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mức cho vay, thời hạn cho vay

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Mức cho vay, thời hạn cho vay áp dụng theo quy định hiện hành về chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại NHCSXH.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã: Mức cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/khách hàng, thời hạn cho vay tối đa là 5 năm.

đ) Lãi suất cho vay

- Đối với hộ nghèo: Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Đối với hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã: Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

III. HỒ SƠ, QUY TRÌNH THỦ TỤC CHO VAY ỦY THÁC

1. Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do khách hàng lập

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/GUQ) (nếu có);

- Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề (mẫu số 01/TDSV đính kèm văn bản số 720/NHCS-TDNN-TDSV ngày 29/3/2011) đối với trường hợp vay vốn để trang trải chi phí học nghề.

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD hoặc 10A/TD);

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng lập: Sổ vay vốn.

2. Quy trình cho vay

a) Khách hàng

- Khách hàng lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và gửi Tổ TK&VV nơi khách hàng cư trú hợp pháp.

+ Đối với vay vốn để chi phí học nghề, khách hàng gửi kèm Giấy xác nhận mẫu số 01/TDSV.

+ Đối với vay vốn theo các chính sách cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, khách hàng phải bổ sung nội dung cam kết “*và không chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/ quyền sử dụng đất sản xuất/nhà ở trong thời gian còn dư nợ khoản vay này*” vào cuối cùng phần cam kết của khách hàng.

- Việc hộ gia đình cử người đại diện đứng tên vay vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH. Trường hợp, người đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện cho hộ gia đình trong danh sách đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi khách hàng cư trú xác nhận quan hệ của khách hàng và người có tên trong Danh sách là thành viên trong cùng một hộ gia đình. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

b) Tại Tổ TK&VV

- Nếu khách hàng chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung thành viên.

- Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay có sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và sự giám sát (chứng kiến) của Trưởng thôn để: đối chiếu khách hàng với danh sách hộ nghèo/hộ cận nghèo được UBND cấp xã phê duyệt, danh sách đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xem xét tính khả thi của phương án sử dụng vốn vay của từng khách hàng, kiểm tra các yếu tố trong hồ sơ vay vốn,...

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng và Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD hoặc 10A/TD) trình UBND cấp xã xác nhận.

- Gửi hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi cho vay sau khi có xác nhận của UBND cấp xã.

c) Tại UBND cấp xã

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã thực hiện rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng theo đúng quy định làm cơ sở để NHCSXH thực hiện cho vay.

d) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ được phân công thực hiện:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn; đối chiếu khớp đúng tên khách hàng trong Danh sách mẫu số 03/TD đã có xác nhận của UBND cấp xã với danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được UBND cấp xã phê duyệt, danh sách đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt cho vay.

- Sau khi phê duyệt cho vay, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng đến điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để thực hiện các thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

3. Tổ chức giải ngân

NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân trực tiếp một hoặc nhiều lần cho khách hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, tại điểm giao dịch xã hoặc trụ sở Ngân hàng do khách hàng và Ngân hàng thoả thuận. Mỗi lần giải ngân, cán bộ Ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu khách hàng ký xác nhận tiền vay theo quy định.

Đối với vay vốn để chi phí học nghề, việc giải ngân được áp dụng theo quy định về giải ngân của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

4. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc

- Cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn.

- Cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

Đối với cho vay hỗ trợ đất ở/nhà ở, khách hàng thực hiện trả nợ gốc từ năm thứ 06, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu bằng 10% tổng số tiền gốc.

b) Trả lãi

Định kỳ trả lãi theo tháng. Lãi tiền vay được tính kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

5. Kiểm tra sau cho vay

Việc kiểm tra sau cho vay thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với vay vốn để trang trải chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/đất sản xuất, cán bộ kiểm tra đề nghị khách hàng cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/đất sản xuất theo quy định của pháp luật đất đai và ghi nhận vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD).

6. Thu nợ gốc, thu lãi

a) Đối với thu nợ gốc

- Nợ gốc đến hạn phân kỳ: NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kỳ hạn trả nợ gốc theo phân kỳ đã thỏa thuận để phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện đôn đốc người vay trả nợ.

- Nợ gốc đến hạn trả nợ cuối cùng: Trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập, gửi Thông báo danh sách nợ đến hạn (mẫu số 19/TD) cho Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc người vay trả nợ.

- Khách hàng thực hiện trả nợ gốc trực tiếp cho Ngân hàng tại điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay. Khách hàng được trả nợ gốc trước hạn. Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu nợ gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

b) Đối với thu lãi

Hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu lãi theo quy định.

7. Xử lý nợ đến hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của NHCSXH về nghiệp vụ gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trên 12 tháng (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn).

c) Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn trả nợ cuối cùng, nếu khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 14/TD) gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo cho khách hàng.

8. Xử lý vi phạm

Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay xử lý như sau:

a) Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích xin vay, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy

thác và Tổ TK&VV áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn.

b) Khách hàng thực hiện chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho người khác trong thời gian vay vốn (tại các chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất), NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ TK&VV áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu khách hàng không thực hiện trả nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn.

IV. HỒ SƠ, QUY TRÌNH THỦ TỤC CHO VAY TRỰC TIẾP

1. Hồ sơ vay vốn

1.1. Bộ hồ sơ vay vốn do khách hàng lập và cung cấp

a) Hồ sơ pháp lý của khách hàng

- Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);

- Bản sao điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã;

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của khách hàng:

+ Bản sao Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện hợp pháp của khách hàng;

+ Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó phải có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay, tài sản bảo đảm;

- Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã có quy định);

- Các giấy tờ khác (nếu có).

b) Hồ sơ kinh tế

Bản gốc/bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 02 năm gần nhất (việc lập báo cáo tài chính, thời gian lập và nộp báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật).

Trường hợp khách hàng mới thành lập hoặc đã hoạt động nhưng chưa đủ thời gian 02 năm thì cung cấp tình hình tài chính quý gần nhất hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm đề nghị vay vốn (nếu có).

c) Hồ sơ vay vốn

- Đề nghị kèm phương án vay vốn (mẫu số 01/DTTS);
- Bản sao Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị;
- Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

1.2. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng và các bên liên quan cùng lập

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DTTS);
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

2. Quy trình cho vay

2.1. Đối với khách hàng tham gia dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư

a) NHCSXH nơi cho vay (tại địa bàn cấp huyện nơi khách hàng thực hiện phương án vay vốn) tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn nêu tại tiết a, b, c điểm 1.1 khoản 1 Mục IV văn bản này, phân công cán bộ thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.

+ Đối với bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì kiểm tra trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp không có thông tin hoặc thông tin không chính xác, đầy đủ thì đề nghị khách hàng cung cấp bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao công chứng/chứng thực.

+ Đối với các loại giấy tờ còn lại nêu tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Mục IV văn bản này quy định bản sao thì đề nghị khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Trường hợp khách hàng đã nộp bản sao công chứng/chứng thực thì không phải đối chiếu với bản chính.

- Tổ chức thẩm định phương án vay vốn, lập Báo cáo thẩm định (mẫu số 02/DTTS) trình Trưởng Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét, phê duyệt.

b) Sau khi phương án vay vốn được phê duyệt, lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DTTS) trình Giám đốc ký gửi cơ quan chủ trì dự án cấp huyện để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04a/DTTS), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo (mẫu số 04/DTTS) cho khách hàng.

d) NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ thực hiện:

- Rà soát bộ hồ sơ vay vốn, đề nghị khách hàng bổ sung hồ sơ nêu tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Mục IV văn bản này và báo cáo tài chính của năm gần nhất nếu có thay đổi so với thời điểm đề nghị vay vốn.

- Tiếp nhận hồ sơ bảo đảm tiền vay và thực hiện thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.

- Cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DTTS) và hồ sơ bảo đảm tiền vay theo các quy định của pháp luật và NHCSXH; tập hợp hồ sơ trình Giám đốc phê duyệt giải ngân. Các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm, nhưng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

đ) Sau khi hoàn thiện, cán bộ được phân công bàn giao hồ sơ vay vốn cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân. NHCSXH nơi cho vay chỉ được giải ngân sau khi bên thế chấp đã bàn giao toàn bộ hồ sơ bảo đảm tiền vay cho bộ phận kế toán để lưu trữ, bảo quản theo chế độ quy định của NHCSXH.

2.2. Đối với khách hàng tham gia dự án do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư

a) NHCSXH nơi cho vay (tại địa bàn cấp huyện nơi khách hàng thực hiện phương án vay vốn) tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn nêu tại tiết a, b, c điểm 1.1 khoản 1 Mục IV văn bản này, phân công cán bộ thực hiện các nội dung quy định tại tiết a điểm 2.1 khoản 2 Mục IV văn bản này.

Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04a/DTTS), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

b) Sau khi phê duyệt phương án vay vốn, NHCSXH nơi cho vay lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DTTS) kèm sao y bản chính các bộ hồ sơ vay vốn và Báo cáo thẩm định (mẫu số 02/DTTS) gửi NHCSXH cấp tỉnh.

NHCSXH cấp tỉnh lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DTTS) gửi cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) NHCSXH cấp tỉnh gửi NHCSXH nơi cho vay kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo (mẫu số 04/DTTS) cho khách hàng và thực hiện tiếp các nội dung nêu tại tiết d, đ điểm 2.1 khoản 2 Mục IV văn bản này.

3. Tài khoản thanh toán của khách hàng

Khách hàng thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay trước khi phát tiền vay. Việc mở tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

4. Tổ chức giải ngân

NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân bằng hình thức chuyển khoản một hoặc nhiều lần tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Đối với giải ngân từ lần thứ 2, khách hàng lập Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 06/DTTS).

5. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc

- Cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn.
- Cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 06 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

b) Trả lãi

Định kỳ trả lãi theo tháng. Lãi tiền vay được tính kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

6. Kiểm tra sau cho vay

a) NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay trong thời gian 30 ngày kể từ khi giải ngân và kiểm tra định kỳ 1 năm/lần. Ngoài ra, có thể kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc xuất phát từ yêu cầu thực tế. Kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 07/DTTS).

b) Khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng tiền vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra căn cứ hồ sơ, tài liệu, chứng từ do khách hàng cung cấp và thực tế hoạt động của khách hàng để lập và yêu cầu khách hàng xác nhận trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 07/DTTS).

c) Trường hợp giải ngân nhiều lần, tại lần giải ngân tiếp theo, khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của lần giải ngân liền kề trước đó.

7. Thu nợ gốc, thu lãi

a) Khách hàng chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận.

b) Khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn. Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu nợ gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

8. Xử lý nợ đến hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận, thì trước tối thiểu 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/DTTS) gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 06 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì được NHCSXH nơi cho vay xem

xét cho gia hạn nợ. Khách hàng viết Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/DTTS) gửi NHCSXH nơi cho vay trước tối thiểu 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trên 12 tháng (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn).

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc phân kỳ, kể cả nợ gốc của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng, nếu khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 11/DTTS) gửi khách hàng.

9. Xử lý vi phạm

NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra tại Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý như sau:

a) Châm dứt cho vay

Khách hàng vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm gửi cho khách hàng Thông báo châm dứt cho vay (mẫu số 10/DTTS), NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu khách hàng không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang nợ quá hạn.

b) Chuyển nợ quá hạn

Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn, đồng thời lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 11/DTTS) gửi khách hàng.

c) Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH.

d) Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Khách hàng có các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm báo cáo, tham mưu UBND, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp tổ chức triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng, công khai, minh bạch, tránh chông chéo, lợi dụng, trục lợi chính sách; tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị thực hiện nghiêm túc việc cho vay theo hướng dẫn tại văn bản này; chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả.

2. Quá trình triển khai cho vay các chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP lưu ý:

a) Danh sách cấp xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 bao gồm các xã khu vực I, II, III được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó xã đặc biệt khó khăn là xã khu vực III; Danh sách cấp thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

b) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề được thực hiện theo hướng dẫn của UBND cấp tỉnh.

c) Khách hàng được xem xét cho vay tại tất cả các chính sách cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một trong hai chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề nếu đủ điều kiện vay vốn tại từng chính sách cụ thể. Trong đó, tổng dư nợ tại các chương trình cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề, cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và các chương trình vay trước đó (nếu có) để thực hiện mục đích sản xuất kinh doanh không vượt quá mức cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

d) Khách hàng có tên trong danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tại thời điểm vay vốn hộ gia đình đã thoát nghèo (có quyết định công nhận của UBND cấp xã) thì không được vay vốn tại các chính sách cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề; hoặc tại thời điểm vay vốn hộ gia đình đã thoát nghèo, thoát cận nghèo, không còn là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (có quyết định công nhận của UBND cấp xã) thì không được vay vốn tại chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

3. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2022. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này được thực hiện theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP và các quy định của pháp luật.

Yêu cầu Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban Dân tộc;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Trường BĐD HĐQT NHCSXH các tỉnh, TP;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Lưu: VT, TDNN.

(để b/c)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận

Ý kiến của đ/c cuongtd_cn35 gửi lúc 15:45 - 09/08/2022
Chuyển BGĐ CN;

Các phòng CMNV, PGD NHCSXH huyện, thị xã triển khai thực hiện.

Giao TP KHTD tham mưu, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
Tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị

Kính gửi:

-¹
- Ngân hàng Chính sách xã hội

I. THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG

1. Tên doanh nghiệp/hợp tác xã:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:.....
3. Giấy ủy quyền (nếu có) số ngày/...../..... của.....
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã:
Do..... Cấp ngày.....
8. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư² số:.....
Do..... Cấp ngày
9. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề³ số:
....., thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
10. Tài khoản thanh toán số:....., tại Ngân hàng
11. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp:

II. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh

- a) Thông tin chung về ngành nghề sản xuất kinh doanh:
- b) Hiện trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật:

¹ Gửi cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh/cấp huyện phù hợp với dự án, kế hoạch liên kết mà khách hàng tham gia

² Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.

³ Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

- Văn phòng, chi nhánh, cửa hàng kinh doanh (diện tích, địa chỉ):
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, địa chỉ, tình trạng hoạt động):
- Trang thiết bị, phương tiện, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
- Đất sản xuất (diện tích, địa chỉ):
- Cây trồng, vật nuôi (số lượng, giá trị):
-

2. Tóm tắt tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày /.../20.....:

- Vốn chủ sở hữu: đồng
- Nợ phải thu: đồng
- Hàng tồn kho: đồng
- Nợ phải trả: đồng
- Trong đó, dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng: đồng

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)

Tổng dư nợ: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng;

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

Số TT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBD, giá trị)
				VND (trđ)	Ngoại tệ		

c) Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

- Năm

+ Tổng doanh thu: đồng

+ Tổng chi phí: đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: đồng

+ Lợi nhuận: đồng

- Năm

+ Tổng doanh thu: đồng

+ Tổng chi phí: đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: đồng

+ Lợi nhuận: đồng

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là người (chiếm % tổng số lao động).

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Tên phương án vay vốn:

- Địa điểm thực hiện phương án:

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng/20..... đến tháng/20.....

- Thông tin dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị khách hàng tham gia:

+ Tên dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị:

+ Địa điểm thực hiện:

+ Tổng vốn đầu tư:

+ Thời gian thực hiện:

+ Mô tả sơ lược về chuỗi giá trị (sản phẩm, quy trình, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thị trường,...):

+ Vai trò, vị trí của khách hàng trong chuỗi giá trị:

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

2. Tóm tắt nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Phương án vay vốn tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư khác:

b) Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia: lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là người (chiếm % tổng số lao động).

(Kèm theo bản sao hồ sơ tham gia dự án, kế hoạch liên kết của khách hàng)

c) Tổng nguồn vốn thực hiện phương án và cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:đồng. Trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại NHCSXH:..... đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại các TCTD khác: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn huy động khác:đồng, tỷ lệ:%.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án (theo số năm thực hiện phương án)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm ...	Năm
1	Tổng doanh thu			
2	Tổng chi phí			
	<i>Trong đó: khấu hao</i>			
3	Thuế TNDN			
4	Lợi nhuận			

Thời gian dự kiến hoàn vốn: tháng/20.....

IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để thực hiện phương án vay vốn tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị, cụ thể như sau:

1. Số tiền vay:.....đồng (Bằng chữ:)
2. Mục đích sử dụng vốn vay:
3. Thời hạn vay:.....tháng.
4. Lãi suất vay:.....%/năm.
5. Trả gốc theo định kỳ:.....tháng/lần.
6. Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.
7. Nguồn và kế hoạch trả nợ (theo số năm vay vốn)

TT	Chỉ tiêu	Năm	Năm
1	Nguồn từ phương án			
a	<i>Khấu hao</i>			
b	<i>Lợi nhuận</i>			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

8. Dự kiến tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản

(Kèm theo bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay)

V. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp nêu trên; cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nếu có thay đổi các thông tin liên quan trong quá trình vay vốn.

2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của doanh nghiệp/hợp tác xã cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa doanh nghiệp/hợp tác xã và bất kỳ chủ thể nào khác.

3. Tuân thủ các quy định về cho vay, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch.

5. Tài sản bảo đảm tiền vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực, xác nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật/.

....., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Phương án vay vốn tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị

Kính gửi:²

- Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ văn bản số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

- Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của:.....

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin cơ bản về khách hàng vay vốn

- Tên khách hàng:

- Họ và tên người đại diện:

- Chức vụ:

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../..... của.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

¹ Báo cáo thẩm định được đánh máy

² Gửi cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh/cấp huyện phù hợp với dự án, kế hoạch liên kết mà khách hàng tham gia

- Mã số thuế:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư³ số: do cấp ngày
- Ngành nghề kinh doanh chính:.....
- Tài khoản thanh toán số: tại
- 2. Thông tin dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị khách hàng tham gia:
 - Tên dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị:
 - Địa điểm thực hiện:
 - Tổng vốn đầu tư:
 - Thời gian thực hiện:
 - Mô tả sơ lược về chuỗi giá trị (sản phẩm, quy trình,...):
 - Vai trò, vị trí của khách hàng trong chuỗi giá trị:
 - Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

II. NỘI DUNG THÂM ĐỊNH

1. Hồ sơ pháp lý của khách hàng (tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ; tính pháp lý của người đại diện vay vốn,...)

.....

2. Đánh giá năng lực của khách hàng

a) Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh, mô hình tổ chức,...)

.....

b) Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ,...)

.....

c) Sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch,...)

.....

d) Mạng lưới hoạt động, địa bàn hoạt động (có bao nhiêu đơn vị thành viên/chi nhánh/văn phòng đại diện; tập trung chính ở địa bàn nào, khu vực nào;...)

.....

đ) Hiện trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật (biển tên và biển hiệu; số lượng, diện tích, địa chỉ, tình trạng hoạt động của văn phòng/chi nhánh/cửa hàng, nhà

³ Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

xưởng/kho bãi, trang thiết bị/phương tiện/máy móc, đất sản xuất, cây trồng/vật nuôi,...)

e) Thị trường

* Thị trường đầu vào

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

* Thị trường đầu ra

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

3. Đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày .../.../20.....

Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)

Tổng dư nợ: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng. Cụ thể:
 + Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng;
 + Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng.
 - Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

Căn cứ kết quả tra cứu CIC ngày .../.../....., tình hình quan hệ tín dụng của khách hàng với các tổ chức tín dụng khác như sau:

Số TT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

Nhận xét, đánh giá về uy tín, lịch sử trả nợ của khách hàng:

c) Kết quả hoạt động kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm ...	Tài liệu xác nhận	Năm ...	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

4. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm % tổng số lao động).

Nhận xét, đánh giá:

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

- Tên phương án:

- Nơi thực hiện phương án:

- Sản phẩm của phương án:

1. Nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Đánh giá phương án vay vốn tham sản xuất theo chuỗi giá trị

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

- + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:
- + Diện tích mở rộng, cải tạo:
- + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Đầu tư trang thiết bị:
- + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
- + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):
-

b) Đánh giá phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó lao động là người dân tộc thiểu số:..... người (chiếm% tổng số lao động).

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại NHCSXH:..... đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại TCTD khác: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn huy động khác: đồng, tỷ lệ:%.

Vốn vay tại NHCSXH sử dụng vào các việc:

3. Thời gian thực hiện phương án: từ tháng...../20.... đến tháng/20.....

4. Phân tích hiệu quả phương án (theo số năm thực hiện phương án)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm				Năm			
	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay vốn của khách hàng	Chênh lệch	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo PA vay của khách hàng	Chênh lệch
	Cách tính	Giá trị			Cách tính	Chênh lệch		
Tổng doanh thu								
Tổng chi phí								
<i>Trong đó: khấu hao</i>								
Thuế TNDN								
Lợi nhuận								

Nhận xét, đánh giá:

5. Nguồn và kế hoạch trả nợ ngân hàng (theo số năm vay vốn)

TT	Chỉ tiêu	Năm	Năm	Năm
1	Nguồn từ phương án			
a	Khấu hao			
b	Lợi nhuận			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

Nhận xét, đánh giá:.....

6. Tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị tài sản bảo đảm, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

V. KẾT LUẬN (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, mục đích vay vốn, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, điều kiện về hồ sơ pháp lý, đảm bảo tiền vay)

VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị Hội đồng thẩm định xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án vay vốn của khách hàng để NHCSXH cho vay trong trường hợp khách hàng đảm bảo các điều kiện về bảo đảm tiền vay theo quy định, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: đồng (Bằng chữ:).
2. Thời hạn cho vay: tháng.
3. Lãi suất cho vay:%/năm; Lãi suất quá hạn:%/năm.
4. Trả gốc theo định kỳ: tháng/lần; Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.
5. Mục đích sử dụng vốn vay:
6. Tổng số lao động tham gia phương án: người, trong đó: Lao động là người dân tộc thiểu số: người (chiếm% tổng số lao động).

* Trường hợp không đồng ý cho vay: Nêu rõ lý do không đồng ý cho vay.

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-NHCS

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
Phương án vay vốn tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị

Kính gửi:¹
Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh/thành phố²

Căn cứ vào kết quả thẩm định đối với đề nghị vay vốn để thực hiện phương án vay vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị của các doanh nghiệp/hợp tác xã tham gia vào dự án, kế hoạch liên kết do làm đơn vị chủ trì liên kết.

Chi nhánh/ Phòng giao dịch NHCSXH báo cáo kết quả thẩm định như sau:

Số doanh nghiệp/hợp tác xã đề nghị cho vay: đơn vị.

Tổng số tiền đề nghị cho vay: đồng (Bằng chữ:)

Kèm theo: (1) Bảng tổng hợp danh sách đề nghị phê duyệt phương án vay vốn tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị; (2) Báo cáo thẩm định phương án vay vốn của các doanh nghiệp/hợp tác xã tham gia vào dự án/kế hoạch liên kết.

Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH..... kính đề nghị..... xem xét để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NHCS.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹Trường hợp NHCSXH cấp tỉnh/ NHCSXH cấp huyện lập gửi cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh/cấp huyện
²Trường hợp NHCSXH cấp huyện lập gửi NHCSXH cấp tỉnh

CHI NHÁNH NHCSXH TỈNH/TP
PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
THAM GIA SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

Dự án/kế hoạch liên kết:

Đơn vị chủ trì liên kết:

(Kèm theo Báo cáo số/BC-NHCS ngày/...../..... của Giám đốc Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH)

Đơn vị: triệu đồng, lao động, tháng

TT	Tên doanh nghiệp/hợp tác xã vay vốn	Địa chỉ thực hiện phương án vay vốn	Tóm tắt phương án vay vốn	Số lao động thực hiện phương án		Đề nghị phê duyệt phương án vay vốn	
				Tổng số lao động	Lao động là người dân tộc thiểu số	Số tiền cho vay	Thời hạn cho vay
1							
2							
....							
	Cộng			X	X	X	

Mẫu số 04/DTTS

Lập 02 liên: 01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay;

01 liên gửi khách hàng.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Kính gửi:.....¹

Căn cứ vào Quyết định số ngày .../.../..... của
về

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo đối với Quý khách hàng như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
trân trọng thông báo để Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch
..... vào lúc giờ.....phút, ngày tháng
năm..... để ký Hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy
định. Khi đến, đề nghị Quý khách hàng mang theo hồ sơ liên quan đến tài sản để
thực hiện bảo đảm tiền vay.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện
thoại:.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được lập sau khi có kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng.

Mẫu số 04a/DTTS

Lập 02 liên: 01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay;

01 liên gửi khách hàng.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ..... phút, ngày tháng năm 20....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Căn cứ kết quả báo cáo thẩm định ngày tháng năm

Căn cứ thông báo từ chối cho vay của cơ quan có thẩm quyền
.....(nếu có).

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hộithông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.....

2.....

3.....

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được lập trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn khi NHCSXH thực hiện thẩm định hoặc khi có thông báo từ chối cho vay của cơ quan có thẩm quyền, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/20.../HĐTD¹

Căn cứ Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;

Căn cứ văn bản số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số/..... ngày/...../..... của về việc² và bộ hồ sơ vay vốn của

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH, chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

Bên vay

- Tên doanh nghiệp/hợp tác xã:.....
- Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:

¹ Hợp đồng tín dụng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang; Tổ trưởng Tổ KH-NV/Trưởng Phòng KH-NVTD ký tắt từng trang.

² Quyết định phê duyệt phương án vay vốn của cơ quan có thẩm quyền.

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 - Nơi thực hiện phương án :.....
 - Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../..... của
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Mã số thuế:.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư³ số:do.....cấp ngày.....
 - Ngành nghề kinh doanh chính:.....
 - Tài khoản thanh toán số: tại
- Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
(*Bằng chữ:*

2. Mục đích sử dụng vốn vay:

3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/..../.....

4. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/năm

- Lãi suất quá hạn: %/năm

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Bên vay thực hiện mở tài khoản thanh toán tại Bên cho vay trước khi phát tiền vay. Bên vay chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi.

7. Bên vay có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì Bên cho vay thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

³ Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

Điều 2. Giải ngân tiền vay

1. Bên cho vay giải ngân cho Bên vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên cho vay theo lần giải ngân như sau:

- Lần 1: Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Lần 2: Dự kiến ngày/...../....., số tiền:.....đồng.

-

2. Mỗi lần nhận tiền vay, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Điều 3. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước tối thiểu 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 06 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

2. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng, Bên vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay trước tối thiểu 05 ngày đến hạn trả nợ để Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa là 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trên 12 tháng (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn).

3. Chuyển nợ quá hạn

a) Đến kỳ hạn trả nợ gốc phân kỳ, kể cả nợ gốc của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ và không được Bên cho vay cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

b) Đến hạn trả nợ cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ và không được Bên cho vay cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Điều 4. Xử lý các vi phạm

1. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ

thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang nợ quá hạn.

2. Chuyển nợ quá hạn: Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên cho vay phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn.

3. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của Bên cho vay.

4. Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

b) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

c) Bên vay có các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bảo đảm tiền vay

1. Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là..... đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.

2. Được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay.

4. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm tiền vay, khả năng trả nợ của Bên vay.

5. Thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

6. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

7. Được chủ động trích tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, thu lãi, thu nợ gốc quá hạn, thu lãi quá hạn (nếu có).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận.

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận.

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho Bên cho vay.

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng tín dụng này.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm tiền vay.

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về trụ sở làm việc, người đại diện vay vốn, số điện thoại liên lạc và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

7. Bàn giao tài sản bảo đảm và phối hợp với Bên cho vay để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng tín dụng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc đưa ra Tòa án để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH và quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

1. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) cho Bên cho vay.

2. Hợp đồng tín dụng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

3. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng này, thì Hợp đồng tín dụng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng tín dụng này gồm trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(Kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN¹

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../20.... ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội với

Hôm nay, ngày.....tháng..... năm 20...., tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội

Khách hàng vay vốn:

Địa chỉ:

Họ và tên người đại diện:

Chức vụ:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:....., ngày cấp:, nơi cấp:

Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../..... của

Bên vay đề nghị giải ngân như sau:

1. Số tiền được phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng:đồng
2. Số tiền đã nhận nợ đến trước lần nhận nợ này: đồng
3. Số tiền nhận nợ lần này:..... đồng (Bằng chữ:))
4. Tổng dư nợ sau lần nhận nợ:..... đồng (Bằng chữ:))
5. Mục đích sử dụng tiền vay:
6. Ngày đề nghị giải ngân:/...../.....

7. Giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

- Đơn vị thụ hưởng:

- Số tài khoản:.....

- Mở tại: Ngân hàng Chính sách xã hội

8. Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của lần nhận nợ trước:

9. Các nội dung khác được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

KHÁCH HÀNG VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Khách hàng lập Giấy đề nghị khi giải ngân từ lần thứ 2 trở đi.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày .../.../.....

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số ngày .../.../.....

Hôm nay, ngày...../...../....., tại, chúng tôi gồm:

1. Đại diện Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

2. Đại diện khách hàng vay vốn:

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

Cùng thống nhất nội dung kiểm tra như sau:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến thời điểm kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: đồng.

- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.

- Lũy kế số nợ gốc đã trả: đồng.

- Dư nợ vay: đồng.

- Lãi trả đến ngày kiểm tra:.....đồng

2. Thực tế sử dụng tiền vay²

.....
.....

3. Tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn

.....
.....

b) Thực tế sử dụng lao động

.....
.....

c) Khả năng trả nợ

¹ Biên bản kiểm tra được đánh máy

² Ghi hóa đơn, chứng từ chứng minh sử dụng tiền vay khi kiểm tra lần đầu

.....
.....
4. Tình hình tài sản bảo đảm

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm

II. Ý KIẾN CỦA NGÂN HÀNG

.....
.....

III. Ý KIẾN CỦA KHÁCH HÀNG

.....
.....

Buổi làm việc kết thúc vào lúc giờ cùng ngày. Đại diện các bên nhất trí với nội dung biên bản và ký tên dưới đây. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....

Người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:

Chức vụ.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Hiện nay, tôi/chúng tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....

- Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....

- Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi:..... đồng

Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi/chúng tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../..... nhưng chưa trả được vì lý do:.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho phép kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc đồng đến ngày...../...../.....

Tôi/chúng tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn làđồng.

- Thời gian điều chỉnh đến ngày:/...../.....

Ngày..... tháng..... năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....

Người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:

Chức vụ.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Hiện nay, tôi/chúng tôi đang vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....

- Mã khoản vay:..... thuộc chương trình cho vay.....

- Số tiền nợ gốc: đồng; số tiền nợ lãi:..... đồng

Theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng, tôi/chúng tôi phải trả số tiền trên vào ngày...../...../..... nhưng chưa trả được vì lý do:.....

.....
Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc đồng đến ngày...../...../.....

Tôi/chúng tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Ngày.....tháng.....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

- Số tiền được gia hạn nợ là đồng.

- Thời gian gia hạn nợ : ... tháng, từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10/DTTS

Lập 02 liên: 01 liên gửi KH;

01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số ngày...../...../.....

Mức duyệt cho vay:.....đồng, đã giải ngân số tiền là đồng và dư nợ đến ngày...../...../..... làđồng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... thông báo chấm dứt cho vay đối với khách hàng do:

-
-

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo, Quý khách hàng phải thực hiện trả nợ trước hạn, nếu không thực hiện trả nợ, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo để Quý khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội với khách hàng vay vốn là:

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội xin thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn ngày.....tháng.....năm..... là.....đồng.
- Số tiền gốc đã trả.....đồng.
- Số tiền gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày tháng năm là đồng. (Bằng chữ:).
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay tương ứng của các kỳ giải ngân theo quy định.

Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu Quý khách hàng tìm mọi biện pháp sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn trên cho Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội...../.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)